TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019DS-ST
Ngày: 14/8/2019
V/v tranh chấp
về hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Châu Hùng

2. Bà Huỳnh Ánh Linh

***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*:** Ông Nguyễn Công Trí, Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 76/2019/TLST - DS ngày 11/4/2019 về việc "*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐXXST - DS ngày 04 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35 ngày 23/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P.

Trụ sở: Số 45 L, phường B, Quận H, thành phố M.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Hữu Tr, sinh năm 1993, địa chỉ: 54 Tr, phường B, TP. X, An Giang, có mặt (*văn bản ủy quyền của Ngân hàng P ngày 02/11/201 và số 21 ngày 30 tháng 3 năm 2019),* có mặt.

Bị đơn: Trần Văn S, sinh 1974 và Lâm Thị Ngọc Ph, sinh 1983, địa chỉ: tổ 6, khóm V, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho rằng,

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 0563/2017/HĐTD-CN ngày 21/8/2017 và khế ước nhận nợ khách hàng cá nhân ngày 21/8/2017 do ông Trần Văn S và Bà Lâm Thị Ngọc Ph đã ký với Ngân hàng TMCP P, cụ thể số tiền vay 300.000.000 đồng, thời hạn vay 72 tháng, kể từ ngày 21/8/2017 đến 21/8/2023, mục đích vay mua xe ô tô. Phương thức trả trả gốc định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, từ tháng thứ 1 đến tháng thứ 72 trả số tiền là 4.200.000 đồng, tháng thứ 72 trả số tiền 1.800.000 đồng, trả lãi định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, theo dư nợ thực tế. Lãi suất trong hạn: 10,8%/năm, cố định 12 tháng đầu, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Qúa trình vay vốn, ông S và Bà Ph đã trả tiền gốc 276.513.000 đồng, lãi 26.407.000 đồng. Ông S và Bà Ph còn nợ vốn gốc 23.486.481 đồng, lãi 23.520.326 đồng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 14/8/2019. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc tạo điều kiện trả nợ nhưng ông S, bà Ph vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Ngân hàng TMCP P khởi kiện yêu cầu Ông S và Bà Ph trả nợ vốn gốc 23.486.481 đồng, lãi 23.520.326 đồng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 14/8/2019, tổng số tiền là 47.006.807 đồng.

Do vợ chồng ông S, bà Ph không thực hiện đúng cam kết trả nợ nên Ngân hàng TMCP P Việc thông báo bán đấu giá lần 1 với giá khởi điểm là 270.000.000 đồng, do không có người mua nên thông báo giảm giá 10%, còn lại giá là 243.000.000 đồng. Hai lần bán không có người mua, Ngân hàng đã mời ông S và Bà Ph làm việc, nếu có người mua giá cao thì cứ bán để trả nợ cho Ngân hàng, từ đó Ngân hàng ngưng bán đấu giá. Có khách hàng chủ động liên hệ với Ngân hàng (ông Tr) đồng ý mua giá 243.000.000 đồng nhưng mua thỏa thuận giữa hai bên giữa người mua với người bán là ông S, Ngân hàng không tham gia mà do hai bên tự thỏa thuận trực tiếp mua bán. Khách hàng mua xe xong thì ông S trả nợ nộp vào tài khoản nợ của Ngân hàng do ông S đứng tên. Sau khi thu nợ và trừ tất cả các chi phí kể cả các chi phí bán đấu giá, phần còn lại sẽ thu toàn bộ vào vốn gốc, sau đó xuất tài sản xe ô tô giao lại cho khách hàng mua tài sản.

Trong đơn đề nghị của chị Ph chính tay chị Ph viết, do người mua tự thỏa thuận đồng ý bán với ông S, chị Ph, Ngân hàng cũng giải thích rõ là số nợ, số lãi còn lại do bán đấu giá không đủ trả nợ. Chị Ph đồng ý viết và ký tên.

Nay Ngân hàng TMCP P khởi kiện yêu cầu Ông S và Bà Ph trả nợ vốn gốc vốn gốc 23.486.481 đồng, lãi 23.520.326 đồng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 14/8/2019, tổng số tiền là 47.006.807 đồng.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn khai:

Ông Trần Văn S và Bà Lâm Thị Ngọc Ph là vợ chồng, có đăng ký kết hôn. Ngày 21/8/2017, ông, bà có vay vốn của Ngân hàng TMCP P số tiền 300.000.000 đồng để mua xe mô tô. Do không có tiền trả theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng đã ký kết, nên vợ chồng ông S, bà Ph đã giao xe ô tô cho Ngân hàng TMCP P bán tài sản để trừ nợ.

Lần đầu tiên Ngân hàng thông báo là xe bán với giá 290.000.000 đồng, nói xe ô tô giá như vậy, vợ chồng ông S đồng ý, nhưng sau đó lại thông báo giá 270.000.000 đồng. Vợ chồng ông S cũng đồng ý giá 270.000.00 đồng và giao xe cho Ngân hàng bán, sau đó Ngân hàng cứ lần lựa hẹn tìm người mua xe và bán đấu giá, nhưng không có người mua, kéo dài thời hạn mua bán, làm mất thu nhập của vợ chồng ông S mỗi ngày chở rau cải thu nhập khoảng 400.000 đồng/ngày, từ đó giảm giá trị xe chỉ còn 230.000.000 đồng. Sau đó, vợ chồng ông S tự thỏa thuận với khách hàng do Ngân hàng giới thiệu bán giá 230.000.000 đồng.

Do việc thông báo bán tài sản Ngân hàng tự thu giữ và xử lý tài sản để bán luôn, vợ chồng ông S có ký tên mua bán và Ngân hàng cho biết là đã xóa nợ nên hai vợ chồng ông S giao xe xong, ký tên xong sau đó đi về. Vợ chồng ông S không có giữ bất cứ giấy tờ gì về việc mua bán xe ô tô này.

Ông Trần Văn S không thừa nhận nợ, lý do đã giao tài sản bảo đảm xử lý nợ xong, nên không còn thiếu Ngân hàng bất cứ khoản nợ nào nữa. Việc khởi kiện của Ngân hàng OCB là không có cơ sở.

Tại phiên tòa,

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu như trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Bị đơn S và Phương đều vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử đúng pháp luật. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn S và Ph vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về giải quyết vụ án, Hợp đồng vay tài sản giữa Ngân hàng với vợ chồng ông S, bà Ph được ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, do vợ chồng ông S, bà Ph vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vốn và lãi đến hạn theo hợp đồng đã ký kết nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền nợ vốn, lãi để đảm bảo thu hồi nợ như trên là có căn cứ, phù hợp phù hợp quy định tại các Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, bác yêu cầu của ông Trần Văn S và Bà Lâm Thị Ngọc Ph.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Trần Văn S, bà Lâm Thị Ngọc Ph; bị đơn có địa chỉ khóm Vĩnh Chánh 2, phường Vĩnh Ngươn, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang nên quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự

Bị đơn ông Trần Văn S và Bà Lâm Thị Ngọc Ph đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Về hợp đồng vay tài sản:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 0563/2017/HĐTD-CN ngày 21/8/2017 và khế ước nhận nợ khách hàng cá nhân ngày 21/8/2017 do ông Trần Văn S và Bà Lâm Thị Ngọc Ph đã ký với Ngân hàng TMCP P, cụ thể số tiền vay 300.000.000 đồng, thời hạn vay 72 tháng, kể từ ngày 21/8/2017 đến 21/8/2023, mục đích vay mua xe ô tô giữa nguyên đơn với bị đơn được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo các hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung đã ký kết.

[2] Về vốn và lãi suất vay:

Qúa trình vay vốn, ông S và Bà Ph đã trả tiền gốc 276.513.000 đồng, lãi 26.407.000 đồng. Ông S và Bà Ph còn nợ vốn gốc 23.486.481 đồng, lãi 23.520.326 đồng, tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm 14/8/2019, tổng số tiền là 47.006.807 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc tạo điều kiện trả nợ nhưng ông S, bà Ph vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Ngân hàng TMCP P khởi kiện yêu cầu Ông S và Bà Ph trả nợ vốn gốc 23.486.481 đồng, lãi 23.520.326 đồng, tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm 14/8/2019, tổng số tiền là 47.006.807 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, vì vậy có căn cứ xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 14/8/2019, bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất

mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

[3] Việc bị đơn ông Trần Văn S, bà Lâm Thị Ngọc Ph cho rằng đã trả giao xe ô tô cho Ngân hàng bán và đã trả dứt nợ xong, nhưng tại đơn đề nghị của bà Ph lại thừa nhận còn thiếu nợ gốc và nợ lãi của Ngân hàng TMCP P. Mặc khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã thông báo yêu cầu ông S, bà Ph bổ sung chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình, đã hết thời hạn giao nộp bổ sung chứng cứ, nhưng vợ chồng ông S, bà Ph không cung cấp được chứng cứ gì thêm. Chính vì vậy, ý kiến của ông S, bà Ph cho rằng đã trả dứt nợ cho Ngân hàng TMCP P là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về án phí, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Trần Văn S và Lâm Thị Ngọc Ph phải chịu 2.350.000 (Hai triệu ba trăm năm mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu kiện nên không phải chịu án phí, hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 357 Bộ luật Dân Sự năm 2015; các Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP P.

Buộc bị đơn ông Trần Văn S và Bà Lâm Thị Ngọc Ph có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP P tiền vốn gốc 23.486.481 đồng, lãi 23.520.326 đồng, tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm 14/8/2019, tổng số tiền là 47.006.807 đồng (Bốn mươi bảy triệu không trăm không sáu ngàn tám trăm linh bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 14/8/2019, ông Trần Văn S và Bà Lâm Thị Ngọc Ph còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định

của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay".

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Ông Trần Văn S và Lâm Thị Ngọc Ph phải chịu 2.350.000 (Hai triệu ba trăm năm mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP P không phải chịu án phí sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP P số tiền 1.113.500 đồng (Một triệu một trăm mười ba ngàn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2016/0007955 ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP P có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn S và bà Lâm Thị Ngọc Ph là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND TP (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TP (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Ngọc Hà